

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2021/KDTM - PT.

Ngày : 26/4/2021

V/v: Tranh chấp Hợp đồng cấp bảo lãnh.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh.

**Các Thẩm phán : Bà Nguyễn Thị Thuý Hạnh
Bà Ngô Tuyết Băng**

Thư ký Toà án nhân dân TP Hà Nội ghi biên bản phiên tòa : Bà Dương thị Huệ

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội: Ông Trần Chí Thành - KSV

Ngày 26 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 213/2020/TLPT - KDTM ngày 14 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp: Hợp đồng cấp bảo lãnh.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 69/2020/ KDTM – ST, ngày 23 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận Đ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 26/2021/QĐPT – KDTM ngày 23/2/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 151/2021/QĐ- PT ngày 31/3/2021 giữa các đương sự :

Nguyên đơn: Công ty TNHH một thành viên QLTS (gọi tắt QLTS).

Trụ sở : Số 22 HV, phường L, quận H , Thành phố Hà Nội; Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tiến Đ – Chủ tịch Hội đồng thành viên;

Đại diện theo ủy quyền: Ngân hàng TMCP S (gọi tắt Ngân hàng).

Trụ sở : 266-268 N, phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh;

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D- Tổng Giám đốc;

Đại diện theo ủy quyền: Bà Vũ Ngọc A- Phó giám đốc Chi nhánh.

Bị đơn: Công ty TNHH đầu tư thương mại NMA (gọi tắt Công ty NMA).

Trụ sở : Số 35/64/12 CL , phường CL , quận Đ , thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật là ông Võ Tiến D -Tổng giám đốc theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0103851355 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần

đầu ngày 22/05/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 16/05/2017; Theo Giấy báo tử số: 01, quyền số 01/2019 của UBND phường NT, LB, Hà Nội cấp ngày 14/01/2019 thì ông Võ Tiến D đã chết ngày 14/01/2019.

Đại diện theo pháp luật đương nhiên: Ông Trần Đức L – Thành viên góp vốn;

Địa chỉ: Phòng 901 Chung cư NMA, số 15 ngõ 268/2 NT, quận LB, Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn A - Sinh năm 1970;

Địa chỉ: số 23, ngõ 84, phố Trần Quang D, phường Q, quận Đ, thành phố Hà Nội theo Giấy ủy quyền số: 00356.2020/GUQ, quyền số: 01/TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng Phạm Nguyễn công chứng ngày 01/06/2020.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Vũ Thị D - Sinh năm 1958

2. Ông Ngô Duy T - Sinh năm 1954

Trú tại: Số 73, ngõ 117 T, phường TL, quận Đ, Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn A - Sinh năm 1970;

Trú tại: Số 23, ngõ 84, phố Trần Quang D, phường Q, quận Đ, Hà Nội theo Giấy ủy quyền số: 00623.2020/GUQ, quyền số: 02/TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng Phạm Nguyễn công chứng ngày 29/08/2020.

3. Chị Nguyễn Hương L - Sinh năm 1998;

4. Chị Bùi Thị Lệ D - Sinh năm 2000;

5. Chị Lê Thị Lan A - Sinh năm 1996;

6. Chị Phạm Thị T - Sinh năm 1994;

7. Anh Cần Huy K - Sinh năm 1989;

8. Chị Phạm Khánh L - Sinh năm 1994;

Cùng tạm trú tại: số 15C tổ 43 cụm 7, phường N, quận B, thành phố Hà Nội (Nay là số 8B, ngõ 209, phố Đ, phường N, quận B, Hà Nội).

Bà Vũ Ngọc A có mặt, ông Nguyễn Văn A có mặt khi tuyên án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo Đơn khởi kiện và các lời khai Nguyên đơn trình bày như sau: Ngày 25/09/2014, Công ty NMA và Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh Đ, ký kết Hợp đồng cấp bảo lãnh số: AAO30119 / HĐBL với nội dung:

- Số tiền bảo lãnh: 5.305.000.000 đồng (Năm tỷ ba trăm linh năm triệu đồng chẵn). Thời hạn bảo lãnh: Kể từ ngày khoản tiền thanh toán: 5.305.000.000 đồng được

bên nhận bảo lãnh chuyển khoản vào tài khoản ký quỹ số: 020031058611 của bên được bảo lãnh mở tại Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh Đ cho đến hết ngày 31/03/2015.

+ Ngày 10/10/2014, Công ty NMA và Ngân hàng ký thỏa thuận sửa đổi, bổ sung số: 01 – AA030119/HĐBL với nội dung:

- Tài sản cũ: Khoản tiền thanh toán: 5.305.000.000(Năm tỷ, ba trăm linh năm triệu) đồng, được Công ty cổ phần máy công cụ và thiết bị TAT chuyển khoản vào tài khoản ký quỹ số: 020031058611 của Công ty.

- Tài sản mới: 01 bất động sản tại địa chỉ: Số 15C, tổ 43, cụm 7, phường N , quận B ,Thành phố Hà Nội, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BK 808400, Số vào sổ cấp GCN: CH001124.1996.2012.QĐUB do UBND Quận B , Thành phố Hà Nội cấp ngày 17/08/2012 cho bà Vũ Thị D .

+ Ngày 31/03/2015, Công ty NMA và Ngân hàng ký thỏa thuận sửa đổi, bổ sung số: 02 - AA030119/HĐBL với nội dung:

- Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày khoản tiền thanh toán: 5.305.000.000đồng được bên nhận bảo lãnh chuyển khoản vào tài khoản ký quỹ số: 020031058611 của bên được bảo lãnh mở tại Ngân hàng - Chi nhánh Đ cho đến hết ngày 22/04/2015.

Biện pháp bảo đảm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số: 76/1F; Tờ bản đồ số: 48; Diện tích: 76,6 m², tại địa chỉ: Số 15C, tổ 43, cụm 7, phường N , quận B , Thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BK 808400, Số vào sổ cấp GCN: CH001124/ 1996.2012.QĐUB do UBND quận B , Thành phố Hà Nội cấp ngày 17/08/2012 cho bà Vũ Thị D . Tài sản trên đã được thế chấp cho Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ của người khác số công chứng: 5875.2014/ HĐTC ký ngày 10/10/2014 tại Phòng công chứng số 4 -thành phố Hà Nội và được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận B ngày 13/10/2014.

Ngân hàng phát hành chứng thư bảo lãnh số: MD1426817003 ngày 25/09/2014 cho Bên nhận bảo lãnh là Công ty Cổ phần Máy Công cụ và Thiết bị T , đến ngày 22/04/2015 Ngân hàng nhận được yêu cầu thanh toán của bên nhận bảo lãnh.

Ngày 23/04/2015, Ngân hàng nhận được Thông báo số: 22/2014/TB-TLVA của Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh đã thụ lý vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm số:22/2015/TLST-KDTM về việc “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ ” giữa

Công ty NMA và Công ty Cổ phần Máy Công cụ và Thiết bị T . Ngày 17/12/2015, Tòa án nhân dân quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh ra bản án số: 19/2015/KDTM - ST. Ngày 17/02/2016, Ngân hàng nhận được thông báo số: 13/TBTL - TA của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc thụ lý vụ án để xét xử phúc thẩm đối với bản án số: 19/2015/KDTM-ST ngày 17/12/2015 của Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 16/03/2016, Ngân hàng nhận quyết định số: 633/2016/QĐPT-KDTM của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 14/04/2016, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ra bản án số: 469/2016/KDTM-PT quyết định “Ngân hàng TMCP S phải liên đới thanh toán cho Công ty T số tiền vốn 5.305.000.000 (Năm tỷ, ba trăm linh năm triệu) đồng”. Ngày 06/05/2016, Ngân hàng nhận Quyết định thi hành án theo yêu cầu số: 907/QĐ-CCTHADS của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 02/06/2016, Chi cục thi hành án dân sự quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định số: 101/QĐ-CCTHADS hoãn thi hành án. Ngày 06/09/2016, Chi cục Thi hành án dân sự quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định số: 156/QĐ-CCTHADS về việc tiếp tục thi hành án theo yêu cầu số: 907/QĐ-CCTHADS. Ngày 07/09/2016, Chi cục Thi hành án dân sự quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh gửi Công văn số: 2039/CCTHADS cho Ngân hàng S yêu cầu chuyển số tiền 5.305.000.000 (Năm tỷ, ba trăm linh năm triệu) đồng để thi hành án. Ngân hàng đã ra thông báo số: 411/TB-CNDD, Thông báo số: 412/TB-CNDD ngày 09/09/2016; Thông báo số: 423/TB-CNDD; Thông báo số: 425/TB-CNDD; Thông báo số: 426/TB-CNDD ngày 19/09/2016 gửi cho Công ty NMA cùng bên thế chấp là bà Vũ Thị D và ông Ngô Duy T yêu cầu tự nguyện thi hành án. Ngày 20/09/2016 Ngân hàng gửi thông báo số: 429/TB-CNDD về việc cho vay bắt buộc để giải ngân số tiền: 5.305.000.000(Năm tỷ, ba trăm linh năm triệu đồng) vào tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh để thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo bản án số: 469/2016/KDTM-PT của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian trả nợ của Công ty NMA là ngày 27/09/2016. Qua nhiều lần làm việc, thông báo, nhưng Công ty NMA vẫn không có thiện chí trả nợ, vi phạm vi nghĩa vụ trả nợ. Theo quy định kể từ ngày giải ngân bắt buộc món vay được xếp loại quá hạn theo nhóm nợ là nhóm 3, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay sang nợ quá hạn.

Ngày 23/03/2017, Ngân hàng TMCP S đã bán khoản nợ của khách hàng Công ty NMA cho QLTS theo Hợp đồng mua bán nợ số: 2787/2017/MBN.QLTS 2-SACOMBANK.

Tính đến ngày 22/10/2020, Công ty NMA còn nợ Ngân hàng các khoản như sau: Nợ gốc: 5.305.000.000 đồng (Năm tỷ ba trăm linh năm triệu đồng); Lãi quá hạn: 3.137.244.375 đồng (Ba tỷ một trăm ba mươi bảy triệu hai trăm bốn mươi bốn nghìn ba trăm bảy mươi lăm đồng). Tổng: 8.442.244.375 đồng (Tám tỷ, bốn trăm hai mươi hai triệu, hai trăm bốn mươi bốn nghìn, ba trăm bảy mươi lăm đồng).

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với đại diện Công ty NMA , yêu cầu khách hàng có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để khách hàng trả nợ, tuy nhiên Công ty NMA vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng bảo lãnh và các thỏa thuận sửa đổi bổ sung đã ký.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của QLTS và Ngân hàng, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật, QLTS kính đề nghị Quý Tòa giải quyết những vấn đề sau đây đối với bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Đề nghị Tòa án buộc Công ty NMA phải trả cho QLTS tổng số tiền tính đến ngày 22/10/2020 các khoản như sau: Nợ gốc: 5.305.000.000 (Năm tỷ, ba trăm linh năm triệu đồng); Lãi quá hạn: 3.137.244.375 (Ba tỷ, một trăm ba mươi bảy triệu, hai trăm bốn mươi bốn nghìn, ba trăm bảy mươi năm đồng). Tổng: 8.442.244.375 (Tám tỷ, bốn trăm hai mươi hai triệu, hai trăm bốn mươi bốn nghìn, ba trăm bảy mươi lăm đồng) và lãi phát sinh cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng bảo lãnh.

2. Trong trường hợp Công ty NMA không trả được nợ, cho Cơ quan thi hành án phát mãi ngay toàn bộ tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa số: 76/1F; Tờ bản đồ số: 48; Diện tích: 76,6 m², tại địa chỉ: Số 15C, tổ 43, cụm 7, phường N , quận B , Thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 808400, Sổ vào sổ cấp GCN: CH001124/ 1996.2012.QĐUB do UBND quận B , Thành phố Hà Nội cấp ngày 17/08/2012 cho bà Vũ Thị D , để thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký kết.

3. Buộc Công ty NMA phải chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ án phí, chi phí phát sinh liên quan.

4. Trường hợp sau khi bán tài sản đảm bảo mà không đủ để thanh toán khoản nợ thì Công ty NMA vẫn phải có nghĩa vụ trả nốt số tiền còn thiếu cho QLTS do Ngân hàng TMCP S là đại diện theo ủy quyền.

Công ty NMA , bà Vũ Thị D , ông Ngô Duy T do ông Nguyễn Văn A đại diện trình bày:

Về số nợ gốc : không có có ý kiến gì.

Về lãi suất : Việc bảo lãnh đã có phí bảo lãnh 75.000.000 đồng), như vậy đây là thực hiện Hợp đồng bảo lãnh chứ không phải hợp đồng tín dụng; Việc mua bán nợ giữa QLTS với Ngân hàng không thông báo cho ông T ,bà D biết. Về khoản tiền yêu cầu trả thì chỉ thấy thông báo của Ngân hàng, không có ký nhận của bị đơn và ông T , bà D . Người đại diện theo pháp luật của Công ty chết nên không có người kế thừa tổ tụng. Trong các Hợp đồng bảo lãnh, thỏa thuận bổ sung hợp đồng bảo lãnh, ông T và bà D chỉ bảo lãnh cho số tiền 5.305.000.000 (Năm tỷ, ba trăm linh năm triệu đồng), không bảo lãnh cho khoản tiền nào khác. Về các bản án và quyết định thi hành đều chỉ quy định ông T , bà D chỉ đảm bảo cho khoản nợ gốc 5.305.000.000 (Năm tỷ, ba trăm linh năm triệu đồng), không có quy định về tính lãi nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Tòa án nhân dân quận Đ , thành phố Hà Nội đã tiến hành xác minh tại Công an phường CL , quận Đ , Hà Nội xác nhận Công ty NMA không còn hoạt động ở địa chỉ đăng ký kinh doanh. Người đại diện theo pháp luật của Công ty NMA là ông Võ Tiến D theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0103851355 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 6 ngày 16/05/2017, ông Võ Tiến D đã chết ngày 14/01/2019 theo Giấy báo tử số: 01, quyển số 01/2019 do UBND phường NT, LB cấp. Căn cứ theo Điều 13 Luật doanh nghiệp 2014 thì đại diện theo pháp luật đương nhiên: Ông Trần Đức L - thành viên góp vốn của Công ty; Địa chỉ: Phòng 901 Chung cư NMA , số 15 ngõ 268/2 NT, quận LB , Hà Nội.

Tòa án sơ thẩm đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án là: Nguyễn Hương Ly; Bùi Thị Lệ Duyên; Lê Thị Lan Anh; Phạm Thị Thơm; Cần Huy Kiên; Phạm Khánh Linh. Tuy nhiên, các đương sự không có mặt tại Tòa án để thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, Tòa án nhân dân quận Đ không thể lấy được lời khai, không thể tiến hành hòa giải nên tiến hành xét xử vắng mặt.

Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 69/2020/ KDTM – ST, ngày 23 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận Đ đã quyết định như sau :

Xử: 1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV QLTS do Ngân hàng TMCP S là đại diện theo ủy quyền đối với Công ty TNHH Đầu tư Thương mại NMA .

2. Buộc Công ty TNHH Đầu tư Thương mại NMA phải thanh toán cho Công ty TNHH MTV QLTS do Ngân hàng TMCP S là đại diện theo ủy quyền tổng số tiền tính đến ngày 22/10/2020 là: 8.442.244.375 đồng (*Tám tỷ, bốn trăm bốn mươi hai triệu, hai trăm bốn mươi tư nghìn, ba trăm bảy mươi lăm đồng*); Trong đó nợ gốc là: 5.305.000.000 đồng (*Năm tỷ, ba trăm linh năm triệu đồng*); Lãi quá hạn: 3.137.244.375 đồng (*Ba tỷ, một trăm ba mươi bảy triệu, hai trăm bốn mươi bốn nghìn, ba trăm bảy mươi lăm đồng*). Kể từ ngày 23/10/2020, Công ty TNHH Đầu tư Thương mại NMA phải tiếp tục chịu lãi suất đối với khoản nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng cấp bảo lãnh số: AA030119/HĐBL ngày 25/09/2014 và các Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung số: 01-AA030119/HĐBL ngày 10/10/2014. Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung số: 02 – AA030119/HĐBL ngày 31/03/2015 đã ký kết giữa các bên tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi tất toán toàn bộ số nợ gốc.

3. Xác nhận Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để đảm bảo việc thực hiện nghĩa vụ của người khác do Phòng công chứng số 4 công chứng số: 5875.2014/HĐTC, quyền số: 02 TP/CC-SCC/HĐGD công chứng ngày 10/10/2014 là hợp đồng hợp pháp, có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp Công ty TNHH Đầu tư Thương mại NMA không trả được khoản nợ 5.305.000.000 đồng (*Năm tỷ, ba trăm linh năm triệu đồng*) thì Công ty TNHH MTV QLTS do Ngân hàng TMCP S là đại diện theo ủy quyền có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên phát mại tài sản thế chấp là: Toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa số: 76/1F; Tờ bản đồ số: 48; Diện tích: 76,6 m², tại địa chỉ: Số 15C tổ 43 cụm 7, phường N, quận B, Thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 808400, Số vào sổ cấp GCN: CH001124/ 1996.2012.QĐUB do UBND quận B, Thành phố Hà Nội cấp ngày 17/08/2012 cho bà Vũ Thị D để thu hồi nợ cho Công ty TNHH MTV QLTS do Ngân hàng TMCP S là đại diện theo ủy quyền.

Nếu số tiền thu được từ việc bán tài sản đảm bảo nêu trên không đủ để thanh toán khoản nợ 5.305.000.000 đồng (*Năm tỷ, ba trăm linh năm triệu đồng*) thì Công ty TNHH Đầu tư Thương mại NMA vẫn phải có nghĩa vụ trả nốt số tiền còn thiếu cho Công ty TNHH MTV QLTS do Ngân hàng TMCP S là đại diện theo ủy quyền.

Công ty TNHH Đầu tư Thương mại NMA phải thanh toán cho Công ty TNHH MTV QLTS do Ngân hàng TMCP S là đại diện theo ủy quyền số tiền: Lãi quá hạn: 3.137.244.375 đồng (*Ba tỷ, một trăm ba mươi bảy triệu, hai trăm bốn mươi bốn nghìn,*

ba trăm bảy mươi lăm đồng). Kể từ ngày 23/10/2020, Công ty TNHH Đầu tư Thương mại NMA phải tiếp tục chịu lãi suất đối với khoản nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng cấp bảo lãnh số: AA030119/HĐBL ngày 25/09/2014 và các Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung số: 01-AA030119/HĐBL ngày 10/10/2014. Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung số: 02 – AA030119/HĐBL ngày 31/03/2015 đã ký kết giữa các bên tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi tất toán toàn bộ số nợ gốc.

4. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập nên không xét.

5. Về án phí: Công ty TNHH Đầu tư Thương mại NMA phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 116.442.244 đồng (*Một trăm mười sáu triệu, bốn trăm bốn mươi hai nghìn, hai trăm bốn mươi tư đồng*).

Hoàn trả cho Công ty TNHH MTV QLTS do Ngân hàng TMCP S là đại diện theo ủy quyền số tiền tạm ứng án phí 57.233.471 đồng (*Năm mươi bảy triệu, hai trăm ba mươi ba nghìn, bốn trăm bảy mươi một đồng*) đã nộp theo biên lai thu nộp tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008308 ngày 04 tháng 3 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Đ, thành phố Hà Nội.

Bản án còn tuyên về quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử, Nguyên đơn kháng cáo 1 phần bản án đề nghị Tòa án xác định nghĩa vụ bảo đảm của tài sản thế chấp bao gồm cả gốc và lãi.

Tại phiên tòa phúc thẩm :

- *Nguyên đơn trình bày:* Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án sửa bản án sơ thẩm với nội dung tài sản đảm bảo có nghĩa vụ đảm bảo cho cả gốc và lãi.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội có quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân Thành phố tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đơn kháng cáo của Nguyên đơn trong thời hạn Luật định. Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Hợp đồng cấp bảo lãnh có hình thức và nội dung phù hợp với pháp luật nên phát sinh hiệu lực. Hợp đồng thế chấp được ký kết trên cơ sở tự nguyện, có công chứng, được đăng ký giao dịch đảm bảo và phù hợp pháp luật nên phát sinh hiệu

lực. Căn cứ Điểm 1,2,3 điều 1 Hợp đồng thể chấp thể hiện nghĩa vụ bảo đảm của tài sản thế chấp là toàn bộ nghĩa vụ của Công ty NMA đối với Ngân hàng theo Hợp đồng cấp bảo lãnh, do vậy căn cứ khoản 2 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Nguyên đơn xác định nghĩa vụ bảo đảm của tài sản thế chấp là toàn bộ nghĩa vụ của Công ty NMA đối với Nguyên đơn bao gồm cả gốc và lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

*** Về thủ tục tố tụng :** Đơn kháng cáo của Nguyên đơn trong thời hạn Luật định và hợp lệ.

- Toà án nhân dân thành phố Hà Nội đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên toà cho chị Nguyễn Hương Ly, chị Bùi Thị Lệ Duyên, chị Lê Thị Lan Anh, chị Phạm Thị Thơm, anh Cần Huy Kiên, chị Phạm Khánh Linh nhưng các đương sự vắng mặt không có lý do, vì vậy căn cứ khoản 3 điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ.

*** Về nội dung :**

1/ Về Hợp đồng dịch vụ tư vấn:

Căn cứ Hợp đồng dịch vụ tư vấn số:01/2014-HĐTV ngày 18/01/2014; Phụ lục 1 ngày 18/01/2014; Phụ lục 2 ngày 18/01/2014; Phụ lục 3 ngày 02/04/2014; Phụ lục 4 ngày 22/09/2014 do Công ty NMA và Công ty cổ phần máy công cụ và thiết bị T ký kết có nội dung : Công ty NMA cung cấp dịch vụ tư vấn cho Công ty cổ phần máy công cụ và thiết bị T . Công ty cổ phần máy công cụ và thiết bị T sẽ giải ngân đợt 3 với số tiền 5.305.000.000đồng cho Công ty NMA ngay sau khi Công ty NMA cung cấp một bảo lãnh Ngân hàng của Sacombank cho Công ty cổ phần máy công cụ và thiết bị T khoản tiền trên.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng hai bên xảy ra tranh chấp, Công ty cổ phần máy công cụ và thiết bị T khởi kiện ra Toà án. Bản án số: 469/2016/KDTM-PT ngày 14/04/2016 của Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định như sau : “*Buộc Công ty NMA thanh toán cho Công ty T số tiền vốn 5.305.000.000 (Năm tỷ, ba trăm linh năm triệu) đồng , lãi phát sinh từ ngày 30/4/2015 tạm tính đến ngày*

10/12/2015 là 359.722.066đồng. Ngân hàng TMCP S phải liên đới thanh toán cho Công ty T số tiền vốn 5.305.000.000 (Năm tỷ, ba trăm linh năm triệu đồng)”. Bản án nêu trên có hiệu lực pháp luật nên các bên phải có nghĩa vụ thi hành

Ngày 20/09/2016 theo Quyết định thi hành án số 156/QĐ-CCTHADS ngày 6/9/2016 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 2, Ngân hàng đã thực hiện nghĩa vụ của Bên bảo lãnh là thanh toán cho Công ty cổ phần máy công cụ và thiết bị T số tiền 5.305.000.000 đồng (Năm tỷ, ba trăm linh năm triệu đồng chẵn) thay cho Công ty NMA theo Bản án nêu trên và theo quy định tại điểm 2.a.VI Phụ lục B của Hợp đồng cấp bảo lãnh. Do vậy Công ty NMA phải có nghĩa vụ hoàn trả khoản tiền nêu trên cho Ngân hàng theo quy định tại điều 367 Bộ luật dân sự 2005.

2/ Về Hợp đồng cấp bảo lãnh :

* Ngày 25/09/2014, Bên B: Công ty (Bên được bảo lãnh) và Bên A: Ngân hàng - Chi nhánh Đ (Bên bảo lãnh) ký Hợp đồng cấp bảo lãnh số: AA030119/HĐBL, với nội dung sau:

+ Số tiền bảo lãnh: 5.305.000.000 đồng

+ Thời gian bảo lãnh: Kể từ ngày khoản tiền thanh toán: 5.305.000.000 đồng được bên nhận bảo lãnh chuyển khoản vào tài khoản ký quỹ số 020031058611 của bên được bảo lãnh mở tại Ngân hàng – Chi nhánh Đ cho đến hết ngày 31/03/2015.

+ Mục đích phạm vi, đối tượng bảo lãnh: Bên A đồng ý bảo lãnh để bên B: Thực hiện nghĩa vụ với bên nhận bảo lãnh theo Hợp đồng dịch vụ tư vấn số: 01/2014-HĐTV ngày 18/01/2014; Phụ lục 1 ngày 18/01/2014; Phụ lục 2 ngày 18/01/2014; Phụ lục 3 ngày 02/04/2014; Phụ lục 4 ngày 22/09/2014 giữa Công ty NMA và Công ty cổ phần máy công cụ và thiết bị T . Bên thụ hưởng bảo lãnh: Công ty cổ phần máy công cụ và thiết bị T , địa chỉ: 79-81 Xa lộ Hà Nội, phường Thảo Điền, quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 10/10/2014, Công ty NMA , Ngân hàng, bà Vũ Thị D , ông Ngô Duy T ký Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung số: 01 – AA030119/HĐBL với nội dung :

- Tài sản cũ: Khoản tiền thanh toán: 5.305.000.000đồng (Năm tỷ, ba trăm linh năm triệu đồng chẵn) được Công ty cổ phần máy công cụ và thiết bị TAT chuyển khoản vào tài khoản ký quỹ số: 020031058611 của Công ty NMA .

- Tài sản mới: 01 bất động sản tại địa chỉ: Số 15C, tổ 43, cụm 7, phường N , quận B ,Thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BK 808400, Số vào sổ cấp GCN: CH001124. 1996.

2012.QĐUB do UBND Quận B , Thành phố Hà Nội cấp ngày 17/08/2012 cho bà Vũ Thị D .

Ngày 31/03/2015, Công ty NMA , Ngân hàng, bà Vũ Thị D , ông Ngô Duy T ký Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung số: 02 - AA030119/HĐBL với nội dung sau: Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày khoản tiền thanh toán 5.305.000.000đồng được Bên nhận bảo lãnh chuyển khoản vào tài khoản ký quỹ số 020031058611 của bên được bảo lãnh mở tại Ngân hàng - Chi nhánh Đ cho đến hết ngày 22/04/2015.

Thấy rằng , Hợp đồng cấp bảo lãnh và các Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, nội dung và hình thức của Hợp đồng phù hợp với các điều 361, 362, 363 Bộ luật Dân sự năm 2005 nên phát sinh hiệu lực.

Điểm 2.b.V Phụ lục B của Hợp đồng cấp bảo lãnh quy định : “ *Bên B (Công ty NMA nhận nợ và hoàn trả cho Bên A số tiền Bên A đã trả thay gốc, lãi, chi phí phát sinh từ việc thực hiện Hợp đồng cấp bảo lãnh này) ”*

Như đã phân tích ở trên, Ngân hàng đã thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, thanh toán số tiền 5.305.000.000 đồng cho Công ty cổ phần máy công cụ và thiết bị T thay cho Công ty NMA theo Bản án số: 469/2016/KDTM-PT ngày 14/04/2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Do vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc Công ty NMA phải trả cho Ngân hàng khoản nợ gốc 5.305.000.000 đồng là có căn cứ và phù hợp với điều 367 Bộ luật dân sự 2005, điểm 2.b.V Phụ lục B của Hợp đồng cấp bảo lãnh, nên chấp nhận.

Về khoản tiền lãi :

Điểm 2.IV Phụ lục B của Hợp đồng cấp bảo lãnh quy định : “ *Trong trường hợp chưa hoàn trả được, bên B đồng ý chịu lãi suất nợ quá hạn kể từ ngày bên A thực hiện việc trả thay, khi đó toàn bộ dư nợ hiện có của các hợp đồng tín dụng khác (nếu có) của bên B tại bên A dù chưa đến hạn cũng được chuyển sang nhóm nợ tương ứng theo quy định về phân loại nợ của bên A*”, Căn cứ vào điều khoản nêu trên việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc Công ty NMA phải trả cho Ngân hàng khoản lãi suất quá hạn của số tiền 5.305.000.000 đồng từ thời điểm ngày 20/9/2016 (là ngày Ngân hàng trả nợ thay) đến thời điểm xét xử sơ thẩm là có căn cứ, nên chấp nhận.

Về mức lãi suất : Căn cứ Quyết định ban hành khung lãi suất cho vay dành cho khách hàng doanh nghiệp số 1060/2016/QĐ-KHDNVVN ngày 12/4/2016 của Ngân hàng thể hiện mức lãi suất cho vay ngắn hạn là 9,5%/năm , do vậy việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc Công ty NMA phải trả cho Ngân hàng khoản lãi suất quá hạn 150% của mức lãi suất 9,5%/năm từ ngày 20/9/2016 đến ngày 22/10/2020 là 3.137.244.375 đồng

là phù hợp với sự thoả thuận của hai bên trong Hợp đồng cấp bảo lãnh và phù hợp với pháp luật nên chấp nhận.

3/ Về Hợp đồng thế chấp:

Ngày 10/10/2014, Công ty NMA , Ngân hàng, bà Vũ Thị D , ông Ngô Duy T ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để đảm bảo việc thực hiện nghĩa vụ của người khác tại Phòng công chứng số 4 số công chứng 5875.2014/HĐTC, quyển số: 02 TP/CC-SCC/HĐGD với nội dung : “ Để đảm bảo thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của Bên được bảo lãnh đối với Sacombank tại Điều 1 của Hợp đồng này, Bên thế chấp(Bà Vũ Thị D , ông Ngô Duy T) đồng ý thế chấp cho Sacombank tài sản thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng hợp pháp của mình : Quyền sử dụng thửa đất số: 76/1F; Tờ bản đồ số: 48; Diện tích: 76,6 m2, nhà bê tông 3 tầng tại địa chỉ: Số 15C tổ 43 cụm 7, phường N , quận B , Thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 808400, Sổ vào sổ cấp GCN: CH001124/ 1996.2012.QĐUB do UBND quận B , Thành phố Hà Nội cấp ngày 17/08/2012 đứng tên bà Vũ Thị D cho Ngân hàng để đảm bảo thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của Bên được bảo lãnh đối với Ngân hàng”, đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Quận B . Thấy rằng , các bên ký kết hợp đồng thế chấp trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, hợp đồng có nội dung và hình thức phù hợp với các Điều 342, 343, 715 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 106 luật Đất đai năm 2003, Điều 114, 115 Luật nhà ở năm 2005, được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm và các quy định của pháp luật có liên quan, nên phát sinh hiệu lực. Do vậy việc Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng trong trường hợp nếu Công ty NMA không trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý phát mãi tài sản bảo đảm là giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số: 76/1F; Tờ bản đồ số: 48; Diện tích: 76,6 m2, tại địa chỉ: Số 15C tổ 43 cụm 7, phường N , quận B , Thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 808400, Sổ vào sổ cấp GCN: CH001124/ 1996.2012.QĐUB do UBND quận B , Thành phố Hà Nội cấp ngày 17/08/2012 cho bà Vũ Thị D để thu hồi nợ là phù hợp với pháp luật, nên chấp nhận.

Điều 1,2,3 điều 1 Hợp đồng thế chấp có quy định:

“1. Nghĩa vụ được đảm bảo bao gồm : a. Toàn bộ nghĩa vụ của bên được bảo lãnh với Sacombank (gồm nợ gốc, nợ lãi, phí và các khoản khác) tại Hợp đồng cấp bảo

*lãnh số: AA030119/HĐBL Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung số: 01 – AA030119/HĐBL
Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung số: 02 - AA030119/HĐBL...*

2. Nghĩa vụ được bảo đảm tại một thời điểm tối đa là 5.305.000.000 đồng.

3.và các khoản phải trả khác được quy định trong Hợp đồng cấp bảo lãnh”.

Căn cứ vào các điều khoản nêu trên thể hiện nghĩa vụ bảo đảm của tài sản thế chấp là toàn bộ nghĩa vụ gồm cả gốc và lãi của Công ty NMA đối với Ngân hàng theo Hợp đồng cấp bảo lãnh. Như đã phân tích ở trên , Công ty NMA có nghĩa vụ trả Ngân hàng số tiền nợ gốc là: 5.305.000.000 đồng nợ lãi quá hạn: 3.137.244.375 đồng , do vậy nghĩa vụ bảo đảm của tài sản thế chấp là toàn bộ nghĩa vụ nêu trên, Toà án cấp sơ thẩm cho rằng nghĩa vụ đảm bảo của tài sản thế chấp là nghĩa vụ bảo đảm cho nợ gốc 5.305.000.000 đồng (Năm tỷ, ba trăm linh năm triệu đồng chẵn) là không đúng , do vậy căn cứ khoản 2 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Nguyên đơn sửa Bản án sơ thẩm xác định nghĩa vụ bảo đảm của tài sản thế chấp là số tiền nợ gốc là: 5.305.000.000 đồng, nợ lãi quá hạn: 3.137.244.375 đồng của Công ty NMA đối với Nguyên đơn.

Về án phí phúc thẩm : Nguyên đơn không phải chịu án phí phúc thẩm.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội là phù hợp với pháp luật.

Từ những nhận định trên!

Căn cứ điều 355, 361, 367, 476, 715 Bộ luật dân sự 2005. Căn cứ điểm d khoản 1 điều 688, khoản 2 điều 156, điều 429 Bộ luật dân sự 2015

Căn cứ điều 90, Điều 91, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng.

Căn cứ khoản 4 điều 147, khoản 1 điều 148, khoản 3 điều 296 , khoản 2 điều 308, điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch bảo đảm; Nghị định 11/CP/2012 ngày 22/2/2011 về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch bảo đảm.

Căn cứ khoản 2 điều 26, Khoản 2 điều 29 Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu , nộp, quản lý và sử dụng án phí , lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

Xử : Chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH một thành viên QLTS .

Sửa Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 69/2020/ KDTM – ST, ngày 23 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận Đ và quyết định như sau :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH một thành viên QLTS do Ngân hàng TMCP S là đại diện theo ủy quyền đối với Công ty TNHH Đầu tư Thương mại NMA .

2. Buộc Công ty TNHH Đầu tư Thương mại NMA phải thanh toán cho Công ty TNHH một thành viên QLTS do Ngân hàng TMCP S là đại diện theo ủy quyền tổng số tiền tính đến ngày 22/10/2020 là: 8.442.244.375 đồng (*Tám tỷ, bốn trăm bốn mươi hai triệu, hai trăm bốn mươi tư nghìn, ba trăm bảy mươi lăm đồng*); Trong đó nợ gốc là: 5.305.000.000 đồng (*Năm tỷ, ba trăm linh năm triệu đồng*); Lãi quá hạn: 3.137.244.375 đồng (*Ba tỷ, một trăm ba mươi bảy triệu, hai trăm bốn mươi bốn nghìn, ba trăm bảy mươi lăm đồng*).

Kể từ ngày 23/10/2020, Công ty TNHH Đầu tư Thương mại NMA phải tiếp tục chịu lãi suất đối với khoản nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng cấp bảo lãnh số: AA030119HĐBL ngày 25/09/2014 và các Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung số: 01– AA030119/HĐBL ngày 10/10/2014. Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung số: 02 – AA030119/HĐBL ngày 31/03/2015 đã ký kết giữa các bên tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi tất toán toàn bộ số nợ gốc.

3. Xác nhận Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để đảm bảo việc thực hiện nghĩa vụ của người khác do Phòng công chứng số 4 công chứng số: 5875.2014/HĐTC, quyền số: 02 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 10/10/2014 là hợp đồng hợp pháp, có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp Công ty TNHH Đầu tư Thương mại NMA không trả được số nợ gốc và nợ lãi nêu trên thì Công ty TNHH một thành viên QLTS do Ngân hàng TMCP S là đại diện theo ủy quyền có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên phát mại tài sản thế chấp là: Toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số: 76/1F; Tờ bản đồ số: 48; Diện tích: 76,6 m², tại địa chỉ: Số 15C tổ 43 cụm 7, phường N , quận B , Thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 808400, Số vào sổ cấp GCN: CH001124/ 1996.2012.QĐUB do UBND quận B , Thành phố Hà Nội cấp ngày 17/08/2012 cho bà Vũ Thị D để thu hồi nợ cho Công ty TNHH một thành viên QLTS do Ngân hàng TMCP S là đại diện theo ủy quyền.

Nếu số tiền thu được từ việc bán tài sản đảm bảo nêu trên không đủ để thanh toán

nợ thì Công ty TNHH Đầu tư Thương mại NMA vẫn phải có nghĩa vụ trả nốt số tiền còn thiếu cho Công ty TNHH một thành viên QLTS do Ngân hàng TMCP S là đại diện theo ủy quyền.

4. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập nên không xét.

5. Về án phí: Công ty TNHH Đầu tư Thương mại NMA phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 116.442.244 đồng (*Một trăm mười sáu triệu, bốn trăm bốn mươi hai nghìn, hai trăm bốn mươi tư đồng*).

Hoàn trả cho Công ty TNHH một thành viên QLTS do Ngân hàng TMCP S là đại diện theo ủy quyền số tiền tạm ứng án phí 57.233.471 đồng (*Năm mươi bảy triệu, hai trăm ba mươi ba nghìn, bốn trăm bảy mươi mốt đồng*) và 2.000.000đ nộp theo biên lai số 0008308 ngày 04 tháng 3 năm 2019, số 15052 ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Đ, thành phố Hà Nội.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày 26/4/2021.

Nơi nhận:

- TAND Quận Đ.
- VKSND TP Hà Nội.
- Dương sự.
- Lưu.

TM. Hội đồng xét xử phúc thẩm
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hồng Hạnh

